TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HS-PT
Ngày 24-01-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lộc Sơn Thái

Các Thẩm phán: Ông Cao Đức Chiến

Ông Chu Long Kiếm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Hòa, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 109/2024/TLPT-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Nông Văn H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 31-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- *Bị cáo có kháng cáo:* Nông Văn H, sinh ngày 15-11-1983; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn P và bà Vi Thị T (đều đã chết); vợ: Hoàng Thị T con: Có 02 con, sinh năm 2008 và năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý kỷ luật, chưa bị xử lý hành chính; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28-4-2023 đến nay; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lương Thị Hương L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Ông Nông Văn T, sinh năm 1970.

2. Bà Vi Thị H, sinh năm 1972.

3. Chị Nông Hồng N, sinh năm 1992.

4. Anh Nông Văn T, sinh năm 2001.

Cùng cư trú tại: Thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Gia đình Nông Văn T được Ủy ban nhân dân huyện V giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng đối với thửa đất số 451, bản đồ giao đất, giao rừng năm 1995, hiện nay thửa 451 nằm trong thửa đất số 881, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2012, ở rừng C, thôn N (nay là thôn T), xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, nhưng hiện tại Nông Văn T chưa kê khai để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Gia đình Nông Văn H có khoảng 1/5 diện tích đất rừng của ông cha để lại ở thửa đất số 452 bản đồ giao đất, giao rừng năm 1995, hiện nay nằm trong thửa đất số 862, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2012 tại khu rừng C, thôn N (nay là thôn T), xã T, giáp ranh với thửa đất số 881 của gia đình Nông Văn T. Năm 2011, thửa đất số 862 (có phần đất của Nông Văn H) được Nông Văn B (ông họ của H - đã chết năm 2018) kê khai chung và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại thửa đất số 862 do Nông Văn B và Nông Minh H (là con của Nông Văn B) và Nông Văn H quản lý (không có tranh chấp).

Trong khoảng từ năm 2018 đến năm 2020, Nông Văn T đã trồng cây hồi trên thửa đất của gia đình ông Nông Văn T (thửa 881). Nông Văn H cho rằng những cây hồi ông Nông Văn T đã trồng sang đất gia đình Nông Văn H nên phát sinh tranh chấp. Ngoài ra, trong năm 2020, các hộ gia đình gồm: Nông Văn K, Nông Văn Y, Nông Văn L, Nông Văn H, Nông Văn N, Nông Minh H đều trú tại thôn N (nay là thôn T), xã Ti, huyện V, cũng phát sinh tranh chấp ranh giới đất tại khu rừng C thuộc thôn N, xã T với Nông Văn T. Ngày 05/5/2020 tổ hòa giải thôn N, xã T đã giải quyết xác định ranh giới đất giữa các hộ nêu trên, chia theo giông tim từ đỉnh đồi xuống phía dưới, tuy nhiên chỉ thể hiện trong biên bản hòa giải, không đo đạc cụ thể. Đối với các cây hồi ông Nông Văn T trồng, tổ hòa giải thôn N cho 02 hộ gia đình Nông Văn H, Nông Văn T tự thỏa thuận, giải quyết nhưng không ghi kết quả thỏa thuận vào biên bản hòa giải. Ngay sau khi hòa giải, Nông Văn H yêu cầu Nông Văn T phải di dời các cây hồi đi nơi khác để trả lại đất cho Nông Văn H nhưng Nông Văn T nói "*những cây hồi này tôi đã trồng sang đất của các hộ dân rồi, tôi không nhổ đi nữa, để cho con cháu sử dụng cũng được*" nhưng Nông Văn T không nói cụ thể là cho ai sử dụng.

Đến tháng 4 năm 2021, Nông Văn H và Hoàng Thị T (vợ của Nông Văn H) lên rừng C, thôn T tự đào rãnh hào để phân chia ranh giới thửa đất số 862 của gia đình Nông Văn H với thửa đất 881 của gia đình Nông Văn T, Nông Văn T biết nhưng không biết mục đích Nông Văn H đào rãnh hào nên không có ý kiến gì. Sau đó, Nông Văn H tiếp tục nhắc nhở, gọi điện thoại nhiều lần cho ông T nhưng ông Nông Văn T vẫn không di dời các cây hồi. Nông Văn H nghĩ rằng các cây hồi Nông Văn T đã nói *"cho con cháu sử dụng"* là từ bỏ quyền sở hữu nên khoảng 15 giờ ngày 23/12/2022, Nông Văn H cầm 01 con dao quắm, cán gỗ, dài 42cm, một mình lên rừng C và chặt 13 cây hồi của Nông Văn T đã trồng trên đất đang tranh chấp, các cây hồi bị chặt có đường kính gốc từ 02cm đến 05cm. Ngày 27/12/2022, Nông Văn T phát hiện các cây hồi bị chặt phá nên đã có đơn trình báo Công an xã Tràng Phái, huyện Văn Quan.

Tại Cơ quan điều tra, Nông Văn H đã khai nhận toàn bộ hành vi được chặt 13 cây hồi của Nông Văn T đã trồng .

Ngày 29/12/2022, Nông Văn H đã giao nộp cho Công an xã T 01 con dao quắm, tra cán gỗ, dài 42cm, dao cũ đã qua sử dụng.

Kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐGTSTTTHS ngày 18/01/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Văn Quan kết luận: "*13 cây hồi có đường kính gốc từ 02cm đến 05cm có tổng trị giá bị thiệt hại là 3.250.000 đồng*".

Theo Bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T, Sổ mục kê đất đai và kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T ngày 22/3/2023 xác định: 13 cây hồi bị Nông Văn H chặt nằm trên thửa đất số 881, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2012 của xã T, đứng tên hộ gia đình Nông Văn T.

Ngày 30/5/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Văn Quan; Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan; Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện V; Hạt Kiểm lâm huyện V; Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn; sự có mặt của bị cáo Nông Văn H, bị hại Nông Văn T và các hộ dân có đất giáp ranh (Nông Văn K, Nông Văn L, Nông Văn Y, Nông Văn N) đã tiến hành đo tọa độ 13 cây hồi bằng máy GPS. Do cây được trồng thẳng hàng, nên hội đồng chỉ lấy cây hồi ở vị trí đầu hàng (cây số 01); cây hồi ở vị trí giữa hàng (cây số 07) và cây hồi ở vị trí cuối hàng (cây số 13) để đo. Kết quả cây số 01 có tọa độ X=0435746, Y=24070242; cây số 07 có tọa độ X=0435763, Y=2407046 và cây hồi cây số 13 có tọa độ X=0435781, Y=2407042. Căn cứ vào tọa độ các cây hồi, xác định các cây hồi nêu trên đều được trồng trên thửa đất số 881.

Kết luận giám định tư pháp ngày 19/6/2023 của Giám định viên Đàm Văn Tuệ - Chuyên viên phòng Quản lý đất đai, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn kết luận: Thửa đất số 881, diện tích 18.977m^2 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02, tỷ lệ 1:10.000 xã T năm 2012 có vị trí, hình thể phù hợp với một phần của các thửa đất số 451 (gia đình Nông Văn T quản lý); thửa đất số 453 (gia đình Nông Văn B quản lý); thửa đất số 450 (gia đình Nông Văn Y quản lý) và một phần đất trống chưa ghi số lô đất của bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T năm 1995.

Căn cứ Biên bản xác định thực địa hiện trường ngày 30/5/2023, Kết luận giám định tư pháp ngày 19/6/2023 và các chứng cứ đã thu thập, xác định 13 cây hồi của Nông Văn T đã trồng nằm trên thửa đất số 451, 453 bản đồ giao đất, giao rừng năm 1995, hiện nay là thửa đất số 881, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2012 xã T. Điều đó khẳng định 13 cây hồi nêu trên không nằm trong phần đất rừng của gia đình Nông Văn H tại thửa đất số 862, tờ bản đồ số 02, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp năm 2012 xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Về phần dân sự: Các bị hại yêu cầu Nông Văn H bồi thường thiệt hại 13 cây hồi là 55.000.000 đồng, bao gồm các khoản: Tiền cây giống: 130.000 đồng; tiền mất thu hoạch hoa Hồi trong thời hạn 05 năm: 4.870.000 đồng; Tiền công

chăm sóc trong thời hạn 05 năm: 16.750.000 đồng; Tiền chậm thu hoạch hoa Hồi trong 05 năm sau khi trồng cây Hồi mới: 30.000.000 đồng; Tiền cây Hồi bị chặt theo kết luận giám định: 3.250.000 đồng, nhưng Nông Văn H không nhất trí.

Lời khai của những người làm chứng đều xác nhận ngày 05/5/2020 tại thôn N, nay là thôn T, xã T, huyện V. Do có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp của 07 hộ dân đối với ông Nông Văn T, vì vậy tổ hòa giải của thôn cùng các bên tranh chấp đã đến thực địa để xác định ranh giới, mốc giới và thỏa thuận về việc giải quyết tranh chấp, tại buổi hòa giải các bên tranh chấp đều thống nhất và cùng ký vào biên bản với nội dung: Chia theo giông tim từ đỉnh đồi xuống phía dưới, tuy nhiên chỉ thể hiện trong biên bản hòa giải, không đo đạc cụ thể, chỉ có một số hộ đã chôn cọc làm mốc giới, còn hộ Nông Văn H khi đó chưa làm mốc giới. Đối với các cây hồi Nông Văn T trồng, tổ hòa giải không ghi kết quả hòa giải vào biên bản, nhưng khi đó Nông Văn H yêu cầu Nông Văn T phải di dời các cây hồi đi nơi khác thì Nông Văn T nói "*những cây hồi này tôi đã trồng sang đất của các hộ dân rồi, tôi không nhổ đi nữa, để cho con cháu sử dụng cũng được*" nhưng Nông Văn T không nói cụ thể là cho ai sử dụng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-PT ngày 31-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định: Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn H 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Hủy hoại tài sản. Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, bị cáo Nông Văn H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội, kháng cáo về phần bồi thường dân sự bị cáo không nhất trí bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nông Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngươi bào chữa cho bị cáo: Bị cáo Hưởng thừa nhận hành vi được chặt 13 cây hồi của ông Nông Văn T trồng, nguyên nhân là do tranh chấp đất đai, tài sản trên đất do hai bên tự hòa giải do bị cáo nhận thức pháp luật còn hạn chế nên bị cáo đã chặt 13 cây hồi trị giá: 3.250.000 đồng. Đề nghị HĐXX xem xét quyết định theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Bản án sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nông Văn H phạm tội Hủy hoại tài sản là đúng người, đúng tội, không oan. Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng vai trò, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và ấn định mức hình phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Nông Văn H là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên quyết định về phần hình phạt tù và bồi thường dân sự đối với bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như nội dung Bản án sơ thẩm nhận định và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có thể xác định được: Khoảng 15 giờ ngày 23-12-2022 tại khu rừng C, thuộc thôn T, xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, Nông Văn H đã dùng 01 con dao quắm chặt 13 cây hồi có đường kính gốc từ 02 cm đến 05cm do ông Nông Văn T trồng, qua kết luận giám định tư pháp xác định 13 cây hồi trên trông thừa đất số 881 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 02 năm 2012 xã T, huyện V và tổng trị giá tài sản bị thiệt hại là 3.250.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nông Văn H cho rằng bị cáo không phạm tội Hủy hoại tài sản, thấy rằng:

[3] Năm 2018, gia đình ông Nông Văn T trồng cây hồi tại khu rừng C thì bắt đầu xảy ra tranh chấp với nhiều hộ dân có đất liền kề giáp danh, trong đó có cả diện tích đất rừng của gia đình bị cáo Nông Văn H. Sau đó để giải quyết tranh chấp Tổ Hòa giải thôn N, xã T, huyện V đã lập biên bản hòa giải cơ sở để phân chia xác định phân chia ranh giới đất, trong đó có xác định phân chia ranh giới đất tranh chấp của các bên, tại phần diện tích đất trồng 13 cây hồi sẽ do bị cáo Nông Văn H quản lý nhưng không đề cập xem xét, giải quyết về tài sản trên đất là 13 cây hồi và cũng không giao cụ thể cây hồi cho cá nhân nào, tại buổi hòa giải ông Nông Văn T đã nói "*các cây hồi này để cho con cháu sử dụng cũng được*", tuy nhiên việc xác định rõ cụ thể "*con cháu*" là đối tượng nào được giao 13 cây hồi này lại không rõ ràng, cụ thể. Như vậy việc giải quyết của Tổ Hòa giải thôn N chưa giải quyết được toàn bộ tranh chấp, dẫn đến việc hiểu không đầy đủ của các bên tham gia. Tại phiên toà phúc thẩm ông T khai là ông nói để cây hồi cho con trai ông sử dụng. Bị cáo H khai diện tích đất tranh chấp chưa được cơ quan nào giải quyết dứt điểm. Bị hại, bị cáo cho rằng đến thời điểm hiện tai vẫn tranh chấp.

[4] Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có thể xác định được bản thân bị cáo biết rõ 13 cây hồi này là của ông Nông Văn T trên đất của bị cáo đã được phân chia theo biên bản thỏa thuận của Tổ Hòa giải thôn N, cũng mặc nhiên thừa nhận ông Nông Văn T không hề chuyển giao quyền sở hữu 13 cây hồi cho bị cáo Nông Văn H nên đã nhiều lần yêu cầu Nông Văn T di dời 13 cây hồi nhưng không được, như vậy bị cáo cũng đã nhận thức được cây hồi không phải của mình và cũng chưa được cơ quan Nhà nước nào có thẩm quyền xem xét, giải quyết và được ghi nhận bằng bất kỳ văn bản hợp pháp nào. Trong trường hợp bị cáo cho rằng quyền và lợi ích bị ảnh hưởng khi trên diện tích đất được phân chia theo hòa giải của mình có 13 cây hồi của người khác, cụ thể là của ông Nông Văn T thì bị cáo có quyền yêu cầu chính quyền địa phương, thôn, xã tiếp tục giải quyết hoặc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nông Văn T di dời toàn bộ 13 cây hồi ra khỏi diện tích đất của mình nhưng bị cáo lại tự ý chặt bỏ toàn bộ 13 cây hồi của ông Nông Văn T, hành vi của bị cáo là vi phạm pháp

luật, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tài sản của công dân, điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật, coi thường sự quản lý của Nhà nước.

[5] Về bồi thường dân sự bị cáo phạm tội Hủy hoại tài sản nên phải bồi thường số tiền giá trị cây hồi cho bị hại, như bản án sơ thẩm đã quyết định,

[6] Từ những phân tích, nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bị cáo Nông Văn H phạm tội Hủy hoại tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 178 Bộ luật Hình sự là có căn cứ. Bị cáo Nông Văn H kháng cáo kêu oan, không đồng ý bồi thường là không có cơ sở để chấp nhận.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định nêu trên và đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, xét thấy bị cáo có đơn xin miễn án phí do gia đình thuộc hộ nghèo nên thuộc đối tượng được miễn án phí.

[9] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nông Văn H; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 37/2023/HS-ST ngày 31-10-2023 của Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn đối với bị cáo Nông Văn H, cụ thể: Căn cứ vào khoản 1 Điều 178; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 50 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nông Văn H 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Hủy hoại tài sản. Thời hạn tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Không áp dụng khấu trừ thu nhập, không áp dụng lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Giao bị cáo Nông Văn H bị phạt cải tạo không giam giữ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Lạng Sơn trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nông Văn H phải bồi thường cho các bị hại Nông Văn T, Vi Thị H, Nông Hồng N và Nông Văn T tổng số tiền 3.250.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được yêu cầu có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu bị cáo chậm trả thì hàng tháng còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý

và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Bị cáo Nông Văn H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- Phòng PV 06 Công an tỉnh Lạng Sơn;
- Sở T tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- CC huyện V, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn;
- Bị cáo;
- Người TGTT khác;
- Tổ HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ,Tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lộc Sơn Thái